OGSM : FCC-440-2002/1029-00
Nước : Việt Nam

HIỆP ĐỊNH GIỮA
CHÍNH PHỦ HỢP CHỦNG QUỐC HOA KỲ
VÀ
CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VỀ VIỆN TRỢ HÀNG HOÁ NÔNG NGHIỆP
THEO ĐẠO LUẬT LƯƠNG THỰC VÌ SỰ TIẾN BỘ

LỜI MỞ ĐẦU

Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa kỳ thông qua Cơ quan Tín dụng Hàng hoá (dưới đây gọi tắt là CCC) và Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Bên Điều phối) thông qua Bộ Tài chính;

Với nỗ lực sử dụng nguồn lương thực của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ để hỗ trợ cho các nước đã cam kết hướng theo hoặc mở rộng các yếu tố kinh doanh tự do trong nền kinh tế nông nghiệp của mình thông qua các thay đổi về giá cả hàng hoá, tiếp thị, khả năng đầu vào, phân phối, và sự tham gia của khu vực tư nhân;

Nhận thấy rằng mức độ mà Bên Điều phối được cam kết và đang thực hiện chính sách để khuyến khích tự do kinh tế; sản xuất trong nước và tư nhân cho tiêu dùng trong nước; và sự hình thành và mở rộng thị trường trong nước đáp ứng được việc mua và bán các sản phẩm đó; và

Với mong muốn tạo ra những nhận thức điều chỉnh việc viện trợ hàng hoá nông nghiệp cho Bên Điều phối đối với việc phân phối tại Việt Nam theo Đạo luật Lương thực vì Tiến bộ năm 1985 được sửa đổi;

Đã thoả thuận như sau:

PHẦN I - CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

A. Hiệp định này dựa trên các điều khoản và điều kiện nêu tại mục 7 C.F.R phần 1499, trừ khi có qui định khác được nêu ra cụ thể trong Hiệp định này.

B. CCC đồng ý cung cấp cho Bên Điều phối các hàng hoá nông nghiệp với số lượng được qui định cụ thể tại phần II, mục I (dưới đây gọi tắt là "hàng hoá") để trợ giúp tại Việt Nam và, trong phạm vi được qui định tại phần II, mục II và III, thanh toán chi phí vận chuyển đường biển và các chi phí khác có liên quan đến việc cung cấp hàng hoá này.

C. Bên Điều phối đồng ý chỉ sử dụng các hàng hoá theo đúng Hiệp định này và theo Kế hoạch hành động đã được duyệt tại Phụ lục A đính kèm và là một phần của Hiệp định này, và sẽ không bán hoặc đổi các hàng hoá khác trừ trường hợp qui định tại Phụ lục A hoặc trường hợp cụ thể khác được CCC chấp thuận bằng văn bản.

D. Trừ khi được CCC ủy quyền, toàn bộ việc giao hàng hoá theo Hiệp định này sẽ được thực hiện trong thời gian giao hàng qui định tại phần II, mục I.

E. CCC sẽ giới hạn trị giá hàng hoá được cung cấp cho Bên Điều phối tới số lượng tối đa nêu ở Phần II.

F. Hai Chính phủ sẽ thận trọng tới mức tối đa để đảm bảo rằng viện trợ hàng hoá nông nghiệp theo Hiệp định này sẽ không làm đảo lộn thị trường thông thường của Hoa Kỳ đối với loại hàng hoá này hoặc phá giá thế giới của hàng nông sản hoặc ảnh hưởng tới phương thức kinh doanh thương mại thông thường với các nước khác. Để thực hiện điều khoản này, Bên Điều phối sẽ :

1. Thực hiện mọi biện pháp có thể để đảm bảo rằng tổng số lúa mì nhập khẩu theo đường thương mại từ Hoa Kỳ và các nước khác vào nước nhập khẩu được thanh toán bằng nguồn của nước nhập khẩu sẽ tương đương với ít nhất là số lượng hàng nông sản qui định tại bảng Thị trường Thông thường nêu tại phần II, mục IV dưới đây, trong từng thời kỳ nhập khẩu qui định tại bảng này và trong từng thời kỳ so sánh tiếp theo khi mà hàng hoá cung cấp theo Hiệp định này đang được giao nhận;

2. Thực hiện mọi biện pháp có thể nhằm ngăn ngừa việc bán lại, chuyển tiếp hoặc tái xuất tới các nước khác, hoặc sử dụng cho các mục đích khác số hàng hoá viện trợ theo Hiệp định này ngoài mục đích sử dụng trong nước (ngoại trừ trường hợp bán lại, chuyển tiếp, tái xuất hoặc sử dụng cụ thể được CCC chấp thuận); và

3. Thực hiện mọi biện pháp có thể nhằm ngăn ngừa việc xuất khẩu bất kỳ hàng hoá nào có xuất xứ trong nước hoặc nước ngoài, như qui định tại phần II, mục V, đoạn B, trong thời gian hạn chế xuất khẩu nêu tại phần II, mục V, đoạn A (ngoại trừ trường hợp cụ thể được qui định tại phần II hoặc trong trường hợp việc xuất khẩu đó được CCC chấp thuận).

G. Hiệp định này tuỳ thuộc vào tính sẵn có của loại hàng hoá cần đến trong từng năm tài chính mà Hiệp định thực hiện.

PHẦN II - CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ

Mục I - Hàng hoá

A. Hàng hoá sẽ được cung cấp theo Hiệp định này như sau :

Hàng hoá	Thời gian Cung cấp (Năm tài chính Hoa Kỳ)	Số lượng tối đa (tấn)
Lúa mỳ	2002	25.000

* Số lượng tối đa nói trên là không được phép vượt quá.

B. Quy cách phẩm chất hàng hoá do CCC cung cấp được qui định tại Phụ lục B đính kèm và là một phần của Hiệp định này.

Mục II - Thanh toán các chi phí

Việc thanh toán mọi chi phí liên quan đến chế biến, đóng gói, vận chuyển, bốc dỡ và các chi phí khác phát sinh trong quá trình phân phối hàng hoá sẽ được phân bổ như sau:

A. CCC đồng ý viện trợ hàng hoá miễn phí và thanh toán các chi phí dưới đây sau khi giao hàng cho Bên Điều phối: cước phí vận chuyển đường biển tới cảng dỡ hàng được chỉ định.

B. Bên Điều phối đồng ý thu xếp việc chuyên chở bằng đường biển, vận chuyển nội địa, bốc dỡ, lưu kho và phân phối hàng hoá tại Việt Nam.

III. - Tổn thất và hư hỏng của Người vận chuyển đường biển

A. Các điều khoản 7 C. F. R. Chương 1499.15(d), Tổn thất và hư hỏng của Người vận chuyển đường biển, sẽ không được áp dụng đối với vận chuyển đường biển với bất cứ hàng hoá nào được bán theo Hiệp định này nếu trước khi giao hàng cho Bên Điều phối, Bên Điều phối thông báo cho CCC rằng: (1) Các hàng hoá đã được bán theo điều kiện toàn bộ tiền được thanh toán căn cứ theo số lượng ghi trên vận đơn, hoặc (2) Bên điều phối là Người mua bảo hiểm tổn thất và hư hỏng hàng hoá vận chuyển đường biển (bao gồm cả các tổn thất chung) tối thiểu đối với giá trị hàng hoá đã bốc lên bờ.

B. Trong trường hợp các điều khoản 7 C. F. R. Chương 1499.15(d), Tổn thất và hư hỏng của Người vận chuyển đường biển, áp dụng đối với vận chuyển đường biển các hàng hoá cung cấp theo Hiệp định này, CCC sẽ trả tiền thuê một Giám định hàng hoá độc lập để chứng kiến việc bốc dỡ hàng hoá và lập Báo cáo nhận xét. Trừ phi CCC quyết định khác đi, Bên Điều phối sẽ thu xếp một Giám định hàng hoá độc lập phù hợp với quy định tại 7 C. F. R. Chương 1499.15(c).

Mục IV- Bảng Thị trường thông thường

Hàng hoá	Thời gian nhập khẩu (Năm Tài chính Hoa Kỳ)	Yêu cầu thị trường thông thường (tấn)
Lúa mỳ	2002	472.500

Mục V - Hạn chế xuất khẩu

A.Thời kỳ hạn chế xuất khẩu sẽ là năm tài chính 2002 của Hoa Kỳ hoặc bất kỳ năm tài chính tiếp theo nào mà trong thời gian đó hàng hoá viện trợ theo Hiệp định này được nhập khẩu.

B. Theo yêu cầu tại Phần I, đoạn F(3), các mặt hàng có thể không được phép xuất khẩu bao gồm : lúa mỳ, bột mỳ, bột hòn, semolina, farina hoặc bulgur (hoặc các sản phẩm cùng loại có tên gọi khác).

Mục VI - Báo cáo

A. Sáu tháng một lần Bên Điều phối sẽ phải đệ trình các báo cáo hậu cần (mẫu CCC-620) theo qui định của mục 7 C.F.R, Chương 1499.16 (c) (1), và có thể cả báo cáo bán hàng (mẫu CCC-621) theo qui định của mục 7 C.F.R, Chương 1499.16 (C) (2) như sau :

Đối với những hiệp định được ký trong thời gian từ 1/10 đến 31/3, (các) báo cáo đầu tiên phải được đệ trình trước ngày 16/5 kế tiếp và sẽ bao gồm toàn bộ thời kỳ từ khi ký Hiệp định cho đến ngày 31/3. Đối với những hiệp định được ký trong thời gian từ 1/4 đến 30/9, (các) báo cáo đầu tiên phải được đệ trình trước ngày 16/11 của năm đó và sẽ bao gồm toàn bộ thời kỳ từ khi ký hiệp định cho đến ngày 30/9.

Các báo cáo hậu cần tiếp theo sẽ được lập sáu (6) tháng một lần cho tới khi tất cả hàng hoá được bán hoặc phân phối hết. Các báo cáo bán hàng, nếu được yêu cầu, cần lập sáu (6) tháng một lần cho tới khi toàn bộ số tiền bán hàng theo Hiệp định này được giải ngân hết.

B. Bên Điều phối sẽ phải đệ trình báo cáo về thời gian cung cấp qui định tại phần II, mục IV, bao gồm : các số liệu thống kê về hàng nhập khẩu của nước xuất xứ đáp ứng Yêu cầu Thị trường Thông thường nêu tại phần II, mục III ; báo cáo về các biện pháp thực hiện các qui định của phần I, đoạn F (2) và (3) ; số liệu thống kê về xuất khẩu các hàng hoá tương tự hoặc giống với hàng hoá được nhập khẩu theo Hiệp định này của nước nhận viện trợ, như qui định tại phần II, mục V.

C. Các báo cáo cho CCC theo Hiệp định này sẽ được lập và gửi cho Giám đốc Bộ phận Đánh giá và Triển khai kế hoạch chương trình, FAS/USDA, 1400 Independence Avenue, S.W., Stop 1034, Washington, D.C. 20250 - 1034.

PHẦN III - CÁC ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau khi ký.

Để làm bằng, đại diện các bên được ủy quyền hợp pháp đã ký bản Hiệp định này.

Hiệp định được làm thành hai bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có sự diễn giải khác nhau giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt thì bản tiếng Anh sẽ được lấy làm chuẩn.

ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chữ ký: .....

Tên: **Ngài Nguyễn Sinh Hùng**
Chức danh: **Bộ trưởng Bộ Tài chính**
Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Ngày: 31 tháng Bảy, 2002

ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ HỢP CHỦNG QUỐC HOA KỲ

Chữ ký: Mary T. Chamblicss

Tên: **Mary T. Chamblicss**
Chức danh: **Tổng Giám đốc Điều hành Thương mại**
kiêm Phó Chủ tịch
Cơ quan Tín dụng Hàng hoá

Ngày : 8-2-02

PHỤ LỤC A

Kế hoạch hành động

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆP ĐỊNH LƯƠNG THỰC VÌ SỰ TIẾN BỘ

1.Tên và địa chỉ Người đề nghị viện trợ : Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Nước nhận viện trợ: Việt Nam

3. Chủng loại và số lượng hàng hoá yêu cầu :

4. Lịch giao hàng:

Hàng hoá	Sử dụng hàng hoá	Số lượng tấn(MT)	Giao tại cảng Hoa Kỳ
Lúa mỳ, Xuân Đỏ Cứng Miền Bắc	Bán thu tiền	15,000	Tháng Tám/Chín 2002
Lúa mỳ, Trắng Mềm, Miền Tây	Bán thu tiền	10,000	Tháng Tám/Chín 2002
Tổng cộng:	25,000 Tấn (MT)		

5. Mô tả chương trình:

(a) Mục tiêu hoạt động:

Sau khi bán 25.000 tấn lúa mỳ, Bộ Tài chính sẽ sử dụng số tiền thu được để tiếp tục cấp cho các loại dự án sau đây: đầu tư hạ tầng nông thôn, khuyến nông, di dân, tái trồng rừng ở miền núi . Những dự án này sẽ khuyến khích tăng cường nhận thức về môi trường và ổn định xã hội tại các vùng nghèo, miền núi của Việt Nam. Mục đích là tăng cường hạ tầng xã hội (y tế, trường học, điện, nước .vv.), cải thiện kỹ thuật canh tác nông nghiệp, sẵn sàng và nhận thức trước về hiểm hoạ thiên tai và môi trường.

(b) Phương thức lựa chọn Người thụ hưởng:

Bộ Tài chính và Tuỳ viên Nông nghiệp Hoa Kỳ sẽ phối hợp soạn thảo các tiêu chí xác định các cá nhân, cơ quan, khối cộng đồng và vùng hưởng lợi phù hợp đối với mỗi dự án được đề nghị theo tinh thần Hiệp định này. Các tiêu chí cơ bản sẽ bao hàm nhu cầu cần thiết của người dân được hưởng lợi và dự kiến khả năng của Chính phủ Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tác động đến các quỹ cho các hoạt động tiếp theo trong khu vực.

(c) Quản lý chương trình:

Chính phủ Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ được đại diện bởi 2 cơ quan chính phủ. Vụ Tài chính Đối ngoại, Bộ Tài chính sẽ thực hiện chức năng Người quản trị Chương trình và sẽ chịu trách nhiệm đối với việc giải ngân khoản tiền bán hàng cho các dự án nêu trong Hiệp định này và những sai sót trong các hoạt động dự án và tác động của chương trình. Ban Quản lý và Tiếp nhận Viện trợ quốc tế (AIDRECEP) sẽ chịu trách nhiệm bán các hàng hoá viện trợ và gửi cho CCC các báo cáo bán hàng và hậu cần theo yêu cầu. Tuỳ viên Nông nghiệp Hoa Kỳ và Vụ Tài chính Đối ngoại, Bộ Tài chính sẽ cùng xác nhận rằng các dự án phù hợp với phạm vi của Hiệp định này, và nếu có thể, vào trước khi giải ngân cho các dự án. Bộ Tài chính sẽ tham khảo ý kiến của Tuỳ viên Nông nghiệp Hoa Kỳ, nếu Tuỳ viên đề nghị, để bảo đảm rằng các báo cáo được gửi là phù hợp với yêu cầu của CCC.

(d) Ngân sách hoạt động:

Tất cả các chi phí khác đối với chương trình này không được thanh toán từ nguồn vốn của CCC sẽ do Chính phủ Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thanh toán.

(e) Cơ quan tiếp nhận:

Không có các cơ quan tiếp nhận.

(f) Các cơ quan Chính phủ và tổ chức phi Chính phủ:

Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan khác bao gồm, nhưng không giới hạn bởi các cơ quan xác định dưới đây:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ;
- Bộ Y tế ;
- Bộ Thương mại ;
- Bộ Ngoại giao ;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Washington, D.C, Mỹ ; và,
- Các UBND tỉnh, xã trong vùng nhận trợ giúp ;

(g) Nhận thức cho người tiêu dùng

Bộ Tài chính sẽ tuyên truyền chương trình này thông qua báo chí, quảng cáo, để cho các cá nhân hay công chúng nhận thức được Hoa Kỳ trợ giúp nhân đạo.

(h) Tiêu thức đánh giá sự thành công:

Chính phủ Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ sử dụng cách thức tương tự để đánh giá các dự án được lựa chọn như cách thức mà các nhà tài trợ quốc tế khác như Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á áp dụng.

6. Sử dụng tiền cho các hàng hoá và dịch vụ phát sinh

(a) Số lượng và Chủng loại hàng hoá

Hàng hoá	Khối lượng bán
Lúa mỳ	25.000 tấn

Xem Phụ lục B đối với các tiêu thức cụ thể.

(b) Tác động của việc bán hàng hoá đến sản xuất và thương mại trong nước:

Việc bán lúa mỳ sẽ không ảnh hưởng tới bất cứ việc bán bất cứ sản phẩm tương tự nào xuất khẩu đến Việt Nam hoặc bán hàng trong nội địa Việt Nam. Việt Nam tiêu thụ 800.000 tấn, trong đó chỉ có 700.000 tấn được thực hiện qua việc nhập klhẩu mậu dịch, tạo ra một nhu cầu thiếu trong sản xuất bột mỳ khoảng 100.000 tấn. Việc bán 25.000 tấn lúa mỳ chỉ bằng 3% tổng nhu cầu tiêu thụ.

(c) Ước tính số tiền bán hàng:

Hàng hoá	Khối lượng	Gia ước tính trên tấn	Tổng số tiền ước tính
Lúa mỳ	25.000 tấn	USD 128	USD 3.200.000

(d) Tham gia của khu vực tư nhân vào việc bán hàng hoá:

Chính phủ Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam , thông qua AIDRECEP, sẽ đảm bảo rằng tất cả các người mua lúa mỳ được tham gia một cách bình đẳng vào việc bán lúa mỳ theo Hiệp định này. AIDRECEP sẽ thông báo đấu giá cho tất cả các nhà máy xay, nhà nhập khẩu lúa mỳ, và những thương nhân ít nhất là bốn tuần lễ trước khi bán. AIDRECEP cũng sẽ thông báo cho Tuỳ viên Nông nghiệp Hoa Kỳ và cho phép các đại diện của Đại sứ quán Hoa Kỳ theo dõi quá trình bán hàng.

(e) Sử dụng tiền bán hàng:

Những định hướng phát triển sau đây (với các loại dự án và hoạt động dự kiến) đã được xem xét bởi Bộ Tài chính và Tuỳ viên Nông nghiệp. Những định hướng này cũng đã được thực hiện trong năm tài khoá 1999 theo Chương trình 416 (b) và cũng đã được sử dụng trong năm tài chính 2000 theo Chương trình 416 (b).

+ Đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở nông thôn (để xây dựng và khôi phục đường giao thông nông thôn, trường tiểu học, trạm y tế, phân phối điện và hệ thống cấp nước (khoảng 9 % số tiền bán hàng viện trợ dự kiến)

- Mở rộng Hệ thống cấp cứu trên đoạn đường từ Hà Nội đến thành phố Hải Phòng. Công việc do Bộ Y tế và Trường trung cấp y tế Hà Nội tiến hành nhằm hỗ trợ kỹ thuật và trợ giúp phát triển một hệ thống cấp cứu đối với các cư dân sống dọc theo trục giao thông chính nối Hà Nội với cảng Hải Phòng.

+ Sản xuất nông nghiệp (để xây dựng thuỷ lợi quy mô nhỏ, phát triển chăn nuôi, trồng cây công nghiệp); (dự kiến sử dụng khoảng 66 % số tiền thu được).

- Phát triển hệ thống thuỷ lợi tại tỉnh Ninh Thuận và Thanh Hoá: Đây là những tỉnh ven biển phía Nam rất nghèo và chịu ảnh hưởng thiếu thốn lương thực theo mùa. Dự án này sẽ phát triển một số kênh đào nhằm cung cấp nước cho hệ thống tưới nước nhỏ tại các tỉnh này.
- Nghiên cứu phương pháp kiểm tra nhanh dư lượng thuốc trừ sâu trên hoa quả và rau: Do Việt Nam đang trở thành nhà sản xuất lớn hoa quả và rau, nên kể cả những người tiêu thụ trong và ngoài nước đều yêu cầu có thêm các thông tin về dư lượng hoá chất trong sản xuất.
- Trang bị một số phòng kiểm nghiệm và phát triển hệ thống luật pháp cần thiết trước khi Việt Nam thí nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học trên đồng ruộng.
- Tiếp tục chương trình phát triển bò sữa tài khoá 2000 theo dự án 416(b). Hiện nay một số bò sữa chất lượng cao đã nhập về Việt Nam, vì vậy rất cần phải tăng cường kỹ thuật quản lý và chăm sóc đàn bò đang lớn.
- Cùng thực hiện với các cơ quan kiểm tra và pháp chế quốc tế, Việt Nam có kế hoạch phát triển Hệ thống thực hành nuôi thuỷ sản tốt (GAP) nhằm giúp người dân sản xuất ra các sản phẩm thuỷ sản sạch và vệ sinh.

+ Nhà ở di dân (để xây dựng nhà cho nhân dân bị ảnh hưởng bởi bão và thiên tai khác); (dự kiến sử dụng 25 % số tiền thu được).

- Các dự án giảm nhẹ thiên tai (bao gồm cả nhà di dân từ các vùng trũng) trong các vùng thường xuyên bị thiên tai.

- Sử dụng một phần nhỏ viện trợ nhân đạo cho các vùng miền núi. Một số tiền có thể cũng được sử dụng cho các dự án tái trồng rừng.

Bộ Tài chính, thay mặt cho Chính phủ Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Tuỳ viên Nông nghiệp Hoa Kỳ, đại diện cho Cơ quan tín dụng Hàng hoá (CCC) có thể thoả thuận để điều chỉnh lại danh mục dự án trên, kể cả việc bổ sung các dự án như tái tạo rừng tại các vùng miền núi. Tất cả các dự án sẽ được thực hiện trên cơ sở tuân thủ hoàn toàn với luật pháp Việt Nam và phù hợp với Hiệp định này.

(f) Thủ tục đảm bảo việc thu và gửi tiền bán hàng:

Tiền thu được từ việc bán hàng hoá viện trợ theo Hiệp định này sẽ được gửi trực tiếp vào một tài khoản đặc biệt tại một tổ chức tài chính có danh tiếng tại Việt Nam, được nhất trí của Tuỳ viên Nông nghiệp Hoa kỳ tại Hà Nội.

Bộ Tài chính sẽ gửi tiền bán hàng hoá viện trợ vào tài khoản không chậm hơn 120 ngày kể từ ngày bắt đầu dỡ hàng tại Việt Nam.

7. Phương thức phân phối:

(a) Mô tả quá trình vận chuyển và bảo quản:

Cơ sở vật chất tại một trong hai cảng nhận lúa mỳ chính (Cái Lân ở miền Bắc và Cảng Sài Gòn -Thành phố Hồ Chí Minh ở miền Nam) là phù hợp để giao 25.000 tấn lúa mỳ nhập khẩu. Những cảng quốc tế này nơi đã tiếp nhận trên 1,2 triệu tấn hàng rời mỗi năm, là các cảng hiện đại và được trang bị tốt. Cơ sở vật chất ở đây có một cầu cảng với chỗ neo đậu tầu có chiều dài 166 mét (cảng Cai Lân) hay 15 cầu tầu (cảng Sài Gòn) với tổng số chiều dài neo đậu tầu hơn 2.600 mét. Các cảng này có đủ độ dài neo đậu cho hầu hết các loại và cỡ tầu thương mại. Các trang thiết bị (như cần cẩu, tầu kéo hay hệ thống di chuyển) để dỡ hàng rời đã sẵn có. Cả hai cảng có thể thu xếp bốc dỡ cho tầu 25.000 tấn hàng trong một chuyến (mặc dầu các tầu có thể cần lõng hàng trước khi cập cầu cảng).

Chính phủ Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ đảm nhận việc bảo quản và vận chuyển cần thiết các hàng hoá cung cấp theo Hiệp định này từ khi nhận hàng cho đến khi bán. Việt Nam có đủ năng lực để tiếp nhận số lúa mỳ này. Năng lực ở các cảng chính thay đổi từ 60.000 tấn ở kho phẳng đến 40.000 tấn trong hầm chứa.

(b) Mô tả quá trình tái chế và/hoặc Bao gói lại:

Không áp dụng.

(c) Kế hoạch hậu cần:

Cơ quan Bán hàng (AIDRECEP) sẽ bán lúa mỳ trước khi đến cảng Việt Nam. Người mua có trách nhiệm lấy hàng ở cảng và vận chuyển nội địa tới nhà máy chế

biến hoặc kho chứa. Dự kiến rằng các hàng hoá viện trợ sẽ được xếp tầu từ cảng tới cảng dỡ hàng Việt Nam và toàn bộ 25.000 tấn được giao trong 1 chuyến. Có thể phải lõng hàng (tuỳ theo cỡ và kích thước của tầu chở) trước khi tầu cập cầu tầu(tại cả cảng Cái Lân hoặc Sài Gòn).

8. MIỄN THUẾ NHẬP KHẨU

Bộ Tài chính xác nhận rằng các hàng hoá viện trợ theo Hiệp định này sẽ được nhập khẩu không có thuế và phí hải quan.

9. TÁC ĐỘNG KINH TẾ

Việc bán lúa mỳ sẽ không ảnh hưởng tới bất cứ việc bán bất cứ sản phẩm tương tự nào xuất khẩu vào Việt Nam hoặc bán hàng trong nội địa Việt Nam. Theo báo cáo gần nhất từ USDA tại Việt Nam, tổng số tiêu thụ lúa mỳ là 800.000 tấn lúa mỳ, trong đó chỉ có 700.000 tấn được thực hiện qua việc nhập klhẩu mậu dịch, tạo ra một nhu cầu thiếu trong sản xuất bột mỳ khoảng 100.000 tấn. Việc bán 25.000 tấn lúa mỳ chỉ bằng 3% tổng nhu cầu tiêu thụ.

PHỤ LỤC B

Thông tin về hàng hoá- Lúa mỳ

Loại Xuân Đỏ Cứng- Xuân Miền Bắc Đâm - 15.000 tấn

Loại	Xuân Đỏ Cứng
Nhóm	Xuân Bắc Đậm
DHV (Độ bóng hạt)	tối thiểu 75
Phẩm cấp	Cấp 2 của Mỹ hoặc tốt hơn
Protein	tối thiểu 14% và không có lô dưới 13,8 %
Độ rơi	tối thiểu 300 và không có lô dưới 275
Độ ẩm	tối đa 13%
Độ lẫn hạt loại khác	tối đa 3%
Độ thiệt hại do nảy mầm	tối đa 0,5% với mỗi lô
Độ thiệt hại do nấm vảy	tối đa 1% với mỗi lô
Giám định trọng lượng	thấp nhất 59 lbs/bu
Dockage	tối đa 0,6% với mỗi lô không quá 0,8 %
Tổng hư hỏng	tối đa 3,5% *

Loại Trắng Mềm— Lúa mỳ Miền Tây - 10.000 tấn:

Nhóm	Lúa mỳ Trắng mềm
Loại	Miền Tây
Phẩm cấp	Cấp 2 của Mỹ hoặc tốt hơn
DHV (Độ bóng hạt)	tối thiểu 75
Protein	tốiđa 10 %
Độ rơi	tối thiểu 300 với không có lô nào dưới 275
Độ ẩm	tối đa 12%
Độ lẫn hạt loại khác	tối đa 3%
Độ thiệt hại do nảy mầm	tối đa 0,5% với mỗi lô
Độ thiệt hại do nấm vảy	tối đa 1% với mỗi lô
Dockage	tối đa 0,6%
Giám định trọng lượng	thấp nhất 59 lbs/bu
Tổng hư hỏng	tối đa 3,5% *

* Bao gồm các hạt hỏng (tổng số) tạp chất, hạt lép và hạt vỡ

Votomoxin tối đa 2 phần triệu cho tất cả các loại

Đóng gói : Hàng rời

OGSM: FCC-440-2002/1029-00
COUNTRY: VIETNAM

AGREEMENT BETWEEN THE GOVERNMENT OF THE UNITED STATES OF AMERICA AND THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM FOR THE DONATION OF AGRICULTURAL COMMODITIES UNDER THE FOOD FOR PROGRESS ACT

PREAMBLE

The Government of the United States of America, acting through the Commodity Credit Corporation (hereafter referred to as CCC), and the Government of the Socialist Republic of Vietnam (hereafter referred to as the Cooperating Sponsor), acting through the Ministry of Finance;

In an effort to use the food resources of the United States in support of countries that have made commitments to introduce or expand free enterprise elements in their agricultural economies through changes in commodity prices, marketing, input availability, distribution, and private sector involvement;

Recognizing the extent to which the Cooperating Sponsor is committed to and is carrying out policies that promote economic freedom; private, domestic production of food commodities for domestic consumption; and the creation and expansion of efficient domestic markets for the purchase and sale of such commodities; and

Desiring to set forth the understandings that will govern the donation of agricultural commodities to the Cooperating Sponsor for distribution in Vietnam pursuant to the Food for Progress Act of 1985, as amended;

Agree as follows:

PART I - GENERAL PROVISIONS

A. This Agreement is subject to the terms and conditions set forth in 7 C.F.R. Part 1499, except as may be specifically provided herein.

B. CCC agrees to provide to the Cooperating Sponsor the agricultural commodities, and quantities thereof, specified in Part II, Item I (hereafter referred to as the "commodities" for assistance in Vietnam and, to the extent specifically included in Part II, Items II and III, pay ocean transportation and other costs associated with providing the commodities.

C. The Cooperating Sponsor agrees to use the commodities only in accordance with this Agreement and the approved Plan of Operation, Attachment A, which is attached hereto and

made a part of this Agreement, and shall not sell or barter the commodities except as specified in Attachment A or otherwise specifically agreed in writing by CCC.

D. Except as may be authorized by CCC, all deliveries of the commodities provided under this Agreement will be made within the supply period(s) specified in Part II, Item I.

E. CCC shall limit the amount of the commodities provided to the Cooperating Sponsor to the maximum quantity specified in Part II.

F. The two governments shall take maximum precautions to ensure that the donation of agricultural commodities pursuant to this Agreement will not displace usual marketings of the United States in these commodities or disrupt world prices of agricultural commodities or normal patterns of commercial trade with other countries. In implementing this provision, the Cooperating Sponsor shall:

1. Take all possible measures to ensure that total commercial imports from the United States and other countries into the importing country paid for with the resources of the importing country will equal at least the quantities of agricultural commodities specified in the Usual Marketing Table set forth in Part II, Item IV below, during each import period specified in the table and during each subsequent comparable period in which commodities provided under this Agreement are being delivered;

2. Take all possible measures to prevent the resale, diversion in transit, or transshipment to other countries, or the use for other than domestic purposes, of the commodities donated pursuant to this Agreement (except where such resale, diversion in transit, transshipment or use is specifically approved by CCC); and

3. Take all possible measures to prevent the export of any commodity of either domestic or foreign origin, as defined in Part II, Item V, Paragraph B, during the export limitation period specified in Part II, Item V, Paragraph A (except as may be specified in Part II or where such export is otherwise specifically approved by CCC).

G. This Agreement is subject to the availability, during each fiscal year to which this Agreement applies, of the necessary commodities.

PART II - PARTICULAR PROVISIONS

Item I - Commodities

A. The commodities to be made available under this Agreement are as follows:

COMMODITY	SUPPLY PERIOD (U.S. Fiscal Year)	MAXIMUM QUANTITY (Metric Tons)
Wheat	2002	25,000

* The maximum quantity may not be exceeded.

B. The commodities to be provided by CCC will be in accordance with the specifications in Attachment B, attached hereto and made a part of this Agreement.

Item II - Payment of Costs

The payment of all costs associated with the processing, packaging, transporting, handling, and other charges incurred in the distribution of the commodities will be apportioned as follows:

A. CCC agrees to donate the commodities without charge and pay the following costs after delivery to the Cooperating Sponsor: ocean transportation to the designated discharge port(s).

B. The Cooperating Sponsor agrees to arrange for the following: ocean transportation and transportation, handling, storage and distribution in Vietnam.

Item III - Ocean Carrier Loss and Damage

A. The provisions of 7 C.F.R. section 1499.15(d), Ocean carrier loss and damage, will not apply to the ocean transportation of any commodities which are to be sold in accordance with the Agreement if the Cooperating Sponsor notifies CCC prior to delivery of the commodities to the Cooperating Sponsor that: (1) the commodities have been sold on terms that require full payment based upon bill of lading quantities, or (2) the Cooperating Sponsor is the purchaser of insurance against marine cargo loss and damage (including general average losses) for at least the landed value of the commodities.

B. In the event that 7 C.F.R. section 1499.15(d), Ocean carrier loss and damage, does apply to the ocean transportation of commodities provided under this agreement, CCC will pay for an independent cargo surveyor to attend the discharge of the cargo and prepare a report of its findings. Unless CCC determines otherwise, the Cooperating Sponsor will arrange for an independent cargo surveyor in accordance with 7 C.F.R. section 1499.15(c).

Item IV- Usual Marketing Table

COMMODITY	IMPORT PERIOD (U.S. Fiscal Year)	USUAL MARKETING REQUIREMENT (Metric Tons)
Wheat	2002	472,500

Item V - Export Limitations

A. The export limitation period shall be the U.S. fiscal year 2002 or any subsequent U.S. fiscal year during which the commodities donated under this Agreement are being imported.

B. For the purpose of Part I, Paragraph F, Subparagraph 3, the commodities which may not be exported are: wheat, wheat flour, rolled wheat, semolina, farina, bran, or bulgur (or the same or similar product(s) under a different name).

Item VI - Reports

A. The Cooperating Sponsor shall submit semiannual logistics reports (Form CCC-620) required by 7 C.F.R. Section 1499.16(c)(1) and, where applicable, monetization reports (Form CCC-621) required by 7 C.F.R. Section 1499.16(c)(2) as follows:

For agreements signed October 1 through March 31, the first report(s) is due by the following May 16 and shall cover the period from the Agreement signing date through March 31. For agreements signed April 1 through September 30, the first report(s) is due by the following November 16 and shall cover the period from the Agreement signing date through September 30.

Thereafter, logistics reports shall cover each subsequent six (6) month period until all commodities have been distributed or sold. Monetization reports, where applicable, shall also cover each subsequent six (6) month period until all proceeds from commodity sales under this Agreement have been disbursed.

B. The Cooperating Sponsor shall submit a report covering the supply period specified in Part II, Item IV, and containing: statistical data on imports by country of origin to meet the Usual Marketing Requirement(s) specified in Part II, Item IV; a statement of the measures taken to implement the provisions of Part I, Paragraph F, Subparagraphs 2 and 3; and statistical data on exports by country of destination of commodities the same as or like those imported under this Agreement, as specified in Part II, Item V.

C. All reports to CCC required to be made under this Agreement shall be made to the Director, Program Planning, Development and Evaluation Division, FAS/USDA, 1400 Independence Avenue, S.W., Stop 1034, Washington, D.C. 20250-1034.

PART III - FINAL PROVISIONS

This Agreement shall enter into force upon signature.

In witness whereof, the respective representatives, duly authorized for the purpose, have signed the Agreement.

Done in duplicate, in the English and Vietnamese languages. In the case of a discrepancy between the English and Vietnamese texts, the English language text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

By: _____

Name: The Honorable Nguyen Sinh Hung

Title: Minister of Ministry of Finance Socialist Republic of Vietnam

Date: July 31, 2002

FOR THE GOVERNMENT OF THE UNITED STATES OF AMERICA

By: _____

Name: Mary T. Chambliss

Title: Acting General Sales Manager
and Vice President,
Commodity Credit Corporation

Date: 8-2-02